**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**CHƯƠNG VIII. ĐẠI SỐ TỔ HỢP**

**TÊN CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC: BÀI 2: HOÁN VỊ, CHỈNH HỢP VÀ TỔ HỢP**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Toán – Đại số: 10

🖎 🕮 ✍

***Thời gian thực hiện: …… tiết***

**I. MỤC TIÊU**

## 1. Về kiến thức

* Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp.
* Tính được số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp bằng máy tính cầm tay.

## 2. Về năng lực

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YCCĐ** | **(STT của YCCĐ)** |
| **NĂNG LỰC TOÁN HỌC** | | |
| *Tư duy và lập luận Toán học* | - Giải thích được số tất cả hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp trong trường hợp cụ thể ().  - Lập luận hợp lý để lựa chọn cách giải quyết vấn đề tối ưu. | 1 |
| *Mô hình hóa Toán học* | - Xác định được bài toán toán học (tính số hoán vị, số chỉnh hợp, số tổ hợp) từ bài toán thực tiễn.  - Giải quyết được bài toán đã thiết lập và trả lời cho câu hỏi trong bài toán thực tiễn | 2 |
| *Sử dụng công cụ và phương tiện học Toán* | Sử dụng máy tính cầm tay để tính số hoán vị, số chỉnh hợp, số tổ hợp. | 3 |
| *Năng lực giao tiếp và hợp tác* | - Trao đổi, thảo luận tìm ra các sản phẩm học tập theo yêu cầu.  - Khả năng chất vấn, nhận xét, góp ý xây dựng, phản biện và thuyết trình trước đám đông. | 4 |
| **PHẨM CHẤT** | | |
| *Trách nhiệm* | Tự giác hoàn thành công việc mà bản thân được phân công, phối hợp với thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian. | 5 |
| *Chăm chỉ* | Tích cực hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. | 6 |
| *Trung thực* | Khách quan, công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn. | 7 |

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* Máy tính xách tay, máy chiếu, máy tính cầm tay.
* Nội dung trình chiếu trên.
* Phiếu học tập, dụng cụ học tập.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

## 1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (15 phút)

***a) Mục tiêu:*** (5), (7) .

***b) Nội dung:***

- Trò chơi: **Lập số diệu kì**

Có hai đội với mỗi đội có 4 HS, mỗi HS cầm một tờ bảng (giấy cứng cỡ A4), trên mỗi bảng ghi một số trong bốn chữ số 1, 2, 3, 4. Cử hai giám khảo, mỗi giáo khảo giám sát và ghi kết quả hoán đổi chỗ đứng của từng đội.

**Vòng 1:** Trong thời gian 1 phút, 4 HS trong mỗi đội hoán đổi vị trí, mỗi lần hoán được một số có bốn chữ số. Giám khảo ghi lại kết quả mỗi lần hoán đổi là một số có bốn chữ số lên bảng. Nếu đội nào có số cách đổi vị trí khác nhau nhiều nhất sẽ chiến thắng.

**Vòng 2:** Chọn 3 HS trong số 4 HS để thực hiện hoán đổi vị trí như vòng 1 trong thời gian 30 giây, đội nào có số cách đổi vị trí khác nhau nhiều nhất sẽ chiến thắng.

*Phần thưởng cho đội chiến thắng (có tổng số cách hoán đổi của hai vòng nhiều hơn) sẽ nhận phần quà gấp đôi đội còn lại.*

***c) Sản phẩm:***

- Sự thay đổi vị trí của học sinh trong mỗi đội.

- Các số có 4 chữ số, 3 chữ số khác nhau được ghi trên bảng.

**Minh họa sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| Vòng 1 | Vòng 2 |
| 1234 | 124 |
| 1243 | 134 |
| 1342 | 234 |
| .... | .... |

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Chuyển giao*** | - GV cho HS xung phong (8 HS), chia làm 2 đội.  - Giáo viên triển khai cách chơi trò chơi cho học sinh. |
| ***Thực hiện*** | - GV cho thực hiện thử vài lần.  - Học sinh các đội tham gia trò chơi, HS còn lại giám sát kết quả, cỗ vũ các đội. HS là giám khảo ghi lại kết quả.  - Giáo viên theo dõi, hướng dẫn khi cần thiết. |
| ***Đánh giá, nhận xét, tổng hợp*** | Giáo viên và học sinh tổng kết kết quả của mỗi đội và phát thưởng. |

**Giáo viên đặt vấn đề:** Có tất cả bao nhiêu cách hoán đổi để lập số trong từng vòng chơi. Nếu số HS trong mỗi đội chơi nhiều hơn (chẳng hạn 10 HS) thì liệu kết quả ở mỗi vòng chơi này có thể tìm được bằng cách liệt kê hoán đổi vị trí như thế hay có cách tính nào để cho ra kết quả nhanh và chính xác không?

## 2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (45 phút)

### **2.1.Hoạt động 2.1. Hình thành khái niệm và cách tính số hoán vị (15 phút)**

***a) Mục tiêu:*** (1), (2), (3),(6).

***b) Nội dung:***

- Từ trò chơi vòng 1, giáo viên phát biểu mỗi cách sắp xếp bốn học sinh là một hoán vị của 4 học sinh.

- Giáo viên yêu cầu học sinh “Phát biểu khái niệm hoán vị của *n* phần tử”.

- Giáo viên chốt khái niệm về hoán vị của *n* phần tử.

|  |
| --- |
| Một hoán vị của một tập hợp có  phần tử là một cách sắp xếp có thứ tự  phần tử đó (với  là một số tự nhiên, ). |

- *Từ trò chơi vòng 1*, Giáo viên đặt ra câu hỏi

+ **CH1**: Có bao nhiêu cách xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên?

+ **CH2**: Sau khi đã xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên, có bao nhiêu cách xếp 1 HS vị trí thứ hai?

+ **CH3**: Sau khi đã xếp ví trị cho 2 HS vào vị trí đầu tiên và thứ hai, có bao nhiêu cách xếp 1HS vị trí thứ ba?

+ **CH4**: Sau khi đã xếp 3 HS vào vị trí đầu tiên,thứ hai và thứ ba, có bao nhiêu cách xếp 1HS vị trí thứ tư ?

+ **CH5**: Với cách xếp như trên các nhóm đã tạo ra một hoán vị của 4 phần tử. Số hoán vị được tạo ra là tất cả cách xếp ở vòng 1 của trò chơi. Tính số các hoán vị.

-Từ câu trả của **CH5**, GV nêu phép tính 4.3.2.1 là cách tính số hoán vị của 4 và ký hiệu là 4!.

- Giáo viên chốt công thức tính số các hoán vị n phần tử:

|  |
| --- |
| Cho tập hợp A có n phần tử .  Mỗi cách sắp xếp n phần tử của A theo một thứ tự gọi là một **hoán vị** các phần tử đó (gọi tắt là hoán vị của A hay của n phần tử). |

Kí hiệu Pn là số hoán vị của n phần tử.

Người ta chứng minh được rằng:

Số các hoán vị của n phần tử  bằng .

***Chú ý:***

- Ta đưa vào kí hiệu:  và đọc là  giai thừa hoặc giai thừa của .

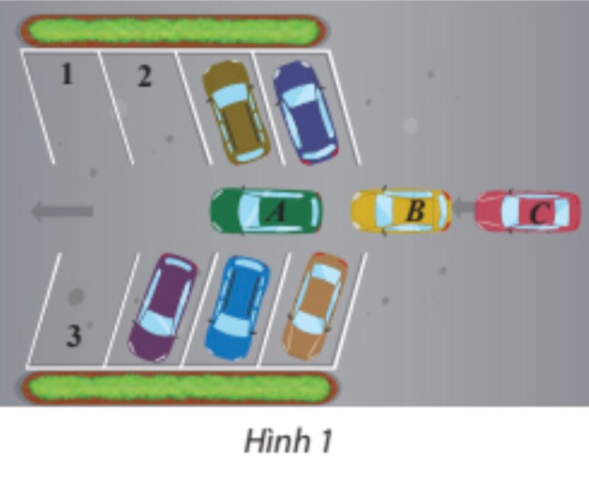
Khi đó, 

- Quy ước:0! = 1.

|  |
| --- |
| Số các hoán vị của một tập hợp có  phần tử, kí hiệu là , được tính bằng công thức  . |

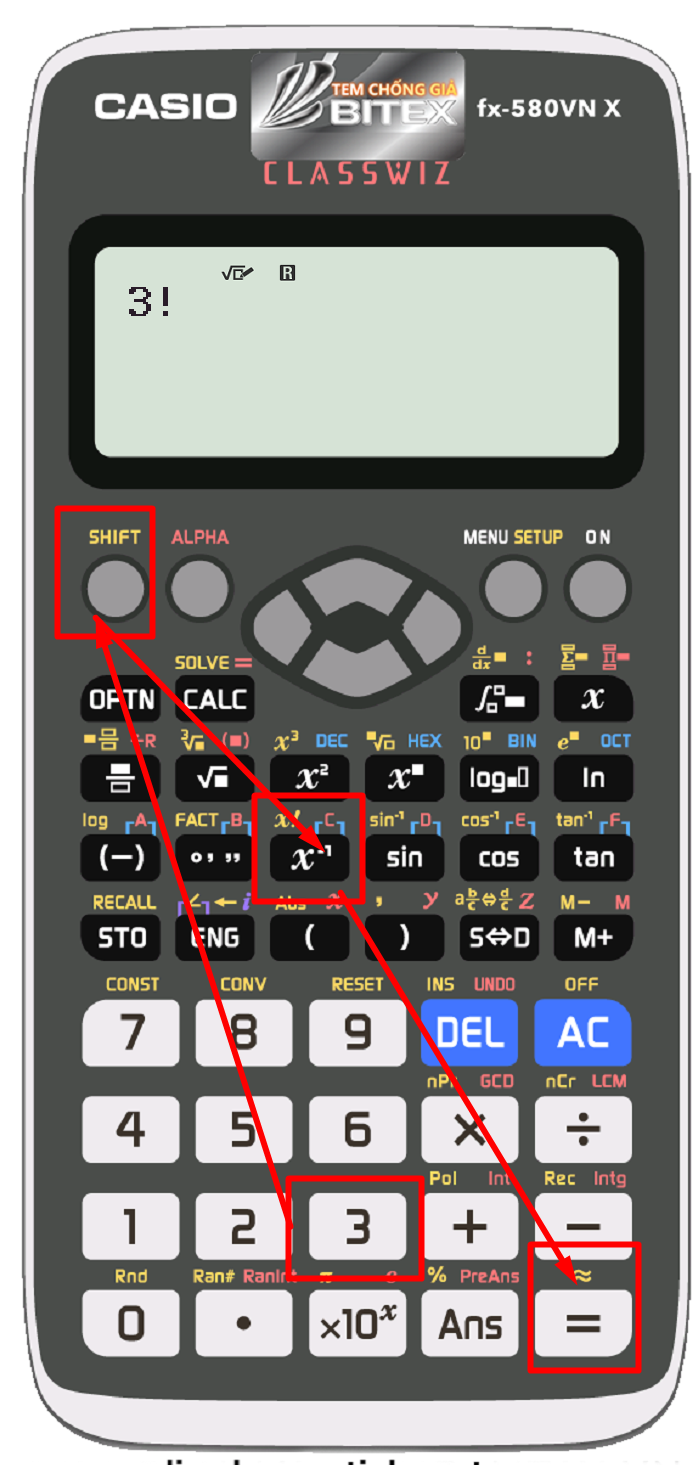
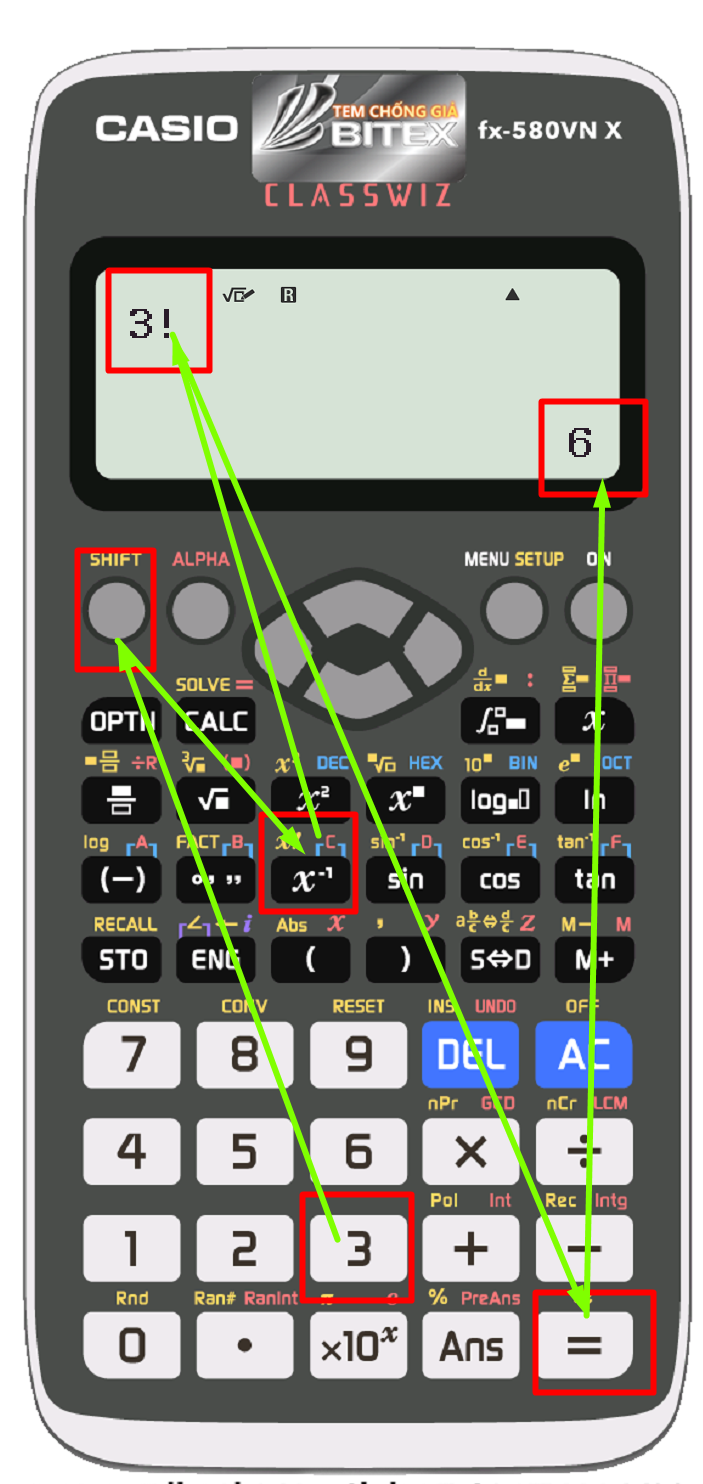
- Giáo viên cho *xem đoạn video* trận đấu bóng chuyền và làm Ví dụ 1

**Ví dụ 1:** Bãi đỗ xe ô tô còn lại ba chỗ trống như Hình 1. Có ba chiếc ô tô (kí hiệu A, B, C) đang đi vào bãi để đỗ xe. Có bao nhiêu cách sắp xếp ba chiếc xe vào ba chỗ trống?



- Sau khi làm VD1: Mỗi cách sắp xếp ba chiếc xe vào ba chỗ trống là một hoán vị của ba chiếc xe. Do đó, số cách sắp xếp ba chiếc xe vào ba chỗ trống là: P3 = 3.2. 1 =6 (cách).

GV *hướng dẫn HS sử dụng máy tính cầm tay* để tính số hoán vị:



***c) Sản phẩm:***

- Các câu trả lời của học sinh.

**+ CH1**: Có 4 cách xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên.

+ **CH2**: Sau khi đã xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên, có 3 cách xếp 1 HS vị trí thứ hai.

+ **CH3**: Sau khi đã xếp ví trị cho 2 HS vào vị trí đầu tiên và thứ hai, có 2 cách xếp 1 HS vị trí thứ ba.

+ **CH4**: Sau khi đã xếp 3 HS vào vị trí đầu tiên,thứ hai và thứ ba, có 1 cách xếp 1HS vị trí thứ tư.

+ **CH5**: Theo quy tắc nhân, ta có 4.3.2.1=24 hoán vị hay cách xếp vị trí cho 4 HS.

- Đáp án VD1: Mỗi cách sắp xếp 6 cầu thủ vào 6 vị trí là một hoán vị của 6.

Số cách xếp là:  (cách).

- HS biết sử dụng máy tính cầm tay để tính số hoán vị.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Chuyển giao*** | - Giáo viên nêu yêu cầu, câu hỏi và cho VD1.  - Giáo viên cho HS xem video đánh bóng chuyền.  - Giáo viên hướng dẫn máy tính cầm tay để tính số hoán vị. |
| ***Thực hiện*** | - HS trả lời câu hỏi và làm VD1.  - HS xem video.  - HS sử dụng máy tính cầm tay. |
| ***Báo cáo*** | HS nêu kết quả. |
| ***Đánh giá, nhận xét, tổng hợp*** | - Học sinh nhận xét câu trả lời của bạn.  - Giáo viên chốt lại đáp án. |

### **2.2.Hoạt động 2.2. Hình thành khái niệm và cách tính số tổ hợp, chỉnh hợp (30 phút)**

***a) Mục tiêu:*** (1), (2), (3),(6).

***b) Nội dung:***

- Từ trò chơi vòng 2, giáo viên phát biểu mỗi cách sắp xếp 3 học sinh được chọn ra từ 4 học sinh là một chỉnh hợp chập 3 của 4.

- Giáo viên chốt khái niệm về chỉnh hợp chập k của  phần tử.

|  |
| --- |
| Cho tập hợp A có n phân tử  và số nguyên  với .  Mỗi cách lấy  phần tử của  và sắp xếp chúng theo một thứ tự gọi là một chỉnh hợp chập  của  phần tử đó. |

- Từ trò chơi vòng 2 (chọn 3 HS từ 4 HS và xếp vị trí cho 3 HS đó), Giáo viên đặt các câu hỏi

+ **CH6**: Có bao nhiêu cách xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên?

+ **CH7**: Sau khi đã xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên, có bao nhiêu cách xếp 1HS vị trí thứ hai?

+ **CH8**: Sau khi đã xếp ví trị cho 2 HS vào vị trí đầu tiên và thứ hai, có bao nhiêu cách xếp 1HS vị trí thứ ba?

+ **CH9**: Với cách xếp như trên ta đã tạo ra một chỉnh hợp chập 3 của 4 phần tử. Tính số chỉnh hợp được tạo ra.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh áp dụng quy tắc nhân để tìm ra công thức tính số chỉnh hợp chập  của  bằng cách tương tự dẫn dắt HS trả lời các câu hỏi 6,7,8,9.

- Giáo viên chốt công thức tính số các chỉnh hợp.

Kí hiệu  là số chỉnh hợp chập  của  phần tử

|  |
| --- |
| Số các chỉnh hợp chập k của n phần tử bằng  . |

***Nhận xét:*** Mỗi hoán vị của n phần tử cũng chính là chỉnh hợp chập n của phần tử đó.

Ta có .

- Từ trò chơi vòng 2, giáo viên phát biểu mỗi cách chọn nhóm 3 học sinh được chọn ra từ 4 học sinh (chọn ra và chưa sắp xếp) là một tổ hợp chập 3 của 4 (tập con gồm 3 phần từ lấy từ tập hợp 4 phần tử)

- Giáo viên chốt khái niệm về tổ hợp chập  của  phần tử.

Cho tập hợp A có n phần tử .

Mỗi tập con gồm k phần tử  của A được gọi là một tổ hợp chập k của n phần tử.

**-** GV yêu cầu học sinh **điền khuyết** vào 2 câu sau **:**

**CH10**: “*Mỗi cách chọn ra 3 HS từ 4 HS ở vòng 2 của Trò chơi vòng được gọi là một …. chập 3 của 4. Nếu chỉ chọn và chưa sắp xếp thứ tự 3 HS được chọn thì số cách chọn sẽ giảm đi … so với việc chọn ra 3 HS và sắp xếp thứ tự 3 HS đó”*

**CH11: “***Mỗi tổ hợp chập 3 của 4 phần tử sinh ra … chỉnh hợp chập 3 của 4 phần tử vì có … hoán vị của 3 phần tử. Vì thế số chỉnh hợp chập 3 của 4 phần tử nhiều gấp … lần số tổ hợp chập 3 của 4 phần tử”*

- Từ kết quả câu trả lời CH10, CH11, giáo viên chốt công thức tính số các tổ hợp.

Kí hiệu  là số tổ hợp chập  của  phần tử .

Người ta chứng minh được rằng:

|  |
| --- |
| Số các số tổ hợp chập  của  phần tử bằng: . |

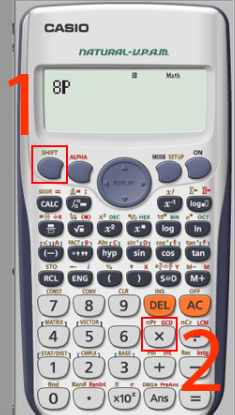
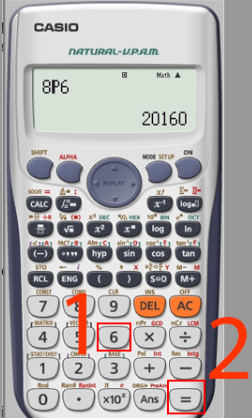
***Chú ý:*** Người ta quy ước .

- GV yêu cầu HS nhận xét mối liên hệ công thức  và .

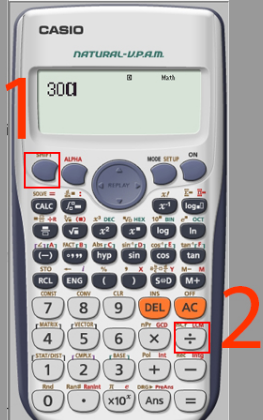
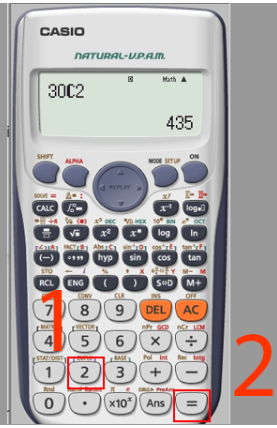
- GV yêu cầu HS nêu điểm giống và khác nhau của hai khái niệm tổ hợp và chỉnh hợp.

- Giáo viên cho ví dụ 2 và hướng dẫn HS sử máy tính cầm tay để tính số chỉnh hợp và số tổ hợp.

+ Cách bấm số chỉnh hợp:

+ Cách bấm số tổ hợp:

***Ví dụ 5***

Tổ Một có 9 thành viên. Tuần tới là phiên trực nhật của tổ, nên cần phân công 4 bạn đi bê ghế của lớp cho buổi chào cờ.

a) Tổ có bao nhiêu cách phân công 4 bạn đi bê ghế?

b) Tổ có bao nhiêu cách chọn 5 bạn không phải đi bê ghế



***c) Sản phẩm:***

- Các câu trả lời của học sinh.

+ **CH6**: Có 4 cách xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên?

+ **CH7**: Sau khi đã xếp 1 HS vào vị trí đầu tiên, có 3 cách xếp 1HS vị trí thứ hai.

+ **CH8**: Sau khi đã xếp ví trị cho 2 HS vào vị trí đầu tiên và thứ hai, có 2 cách xếp 1HS vị trí thứ ba.

+ **CH9**: số chỉnh hợp được tạo ra:

+ Điền khuyết :

**CH10**: “*Mỗi cách chọn ra 3 HS từ 4 HS ở vòng 2 của Trò chơi vòng được gọi là một* **tổ hợp** *chập 3 của 4. Nếu chỉ chọn và chưa sắp xếp thứ tự 3 HS được chọn thì số cách chọn sẽ giảm đi* **3!** *so với việc chọn ra 3 HS và sắp xếp thứ tự 3 HS đó”*

**CH11**:**“** *Mỗi tổ hợp chập 3 của 4 phần tử sinh ra* **3!** *chỉnh hợp chập 3 của 4 phần tử vì có* **3!** *hoán vị của 3 phần tử. Vì thế số chỉnh hợp chập 3 của 4 phần tử nhiều gấp* **3!** *lần số tổ hợp chập 3 của 4 phần tử”*

- Đáp án VD5:

***Giải***

1. Mỗi cách phân công 4 bạn từ 9 bạn là một tổ hợp chập 4 của 9 bạn. Do đó, số cách phân công 4 bạn của tổ đi bê ghế là  (cách)

b) Tương tự, số cách chọn 5 bạn từ 9 bạn không phải đi bê ghế là  (cách)

**Nhận xét:** Ở Ví dụ 5, ta thấy . Tổng quát, ta có hệ thức

.

Học sinh có thể tự kiểm tra hệ thức này.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Chuyển giao*** | - Giáo viên câu hỏi và cho ví dụ 5.  - Giáo viên hướng dẫn máy tính cầm tay để tính số chỉnh hợp và tổ hợp. |
| ***Thực hiện*** | - Học sinh trả lời các câu hỏi, thực hiện yêu cầu và làm VD5.  - HS sử dụng máy tính cầm tay. |
| ***Báo cáo*** | Học sinh nêu kết quả sản phẩm.. |
| ***Đánh giá, nhận xét, tổng hợp*** | - Học sinh nhận xét câu trả lời của bạn.  - Giáo viên chốt lại đáp án cho mỗi câu hỏi. |

## 3.Hoạt động 3. Luyện tập (25 phút)

***a) Mục tiêu:*** (1), (2), (3), (4),(5), (7).

***b) Nội dung:***

**Bài toán 1** *(10 phút)***:** Cho tập .

a) Từ tập  có thể lập được bao nhiêu số tự nhiên có 6 chữ số khác nhau?

b) Từ tập  có thể lập được bao nhiêu số tự nhiên có 4 chữ số khác nhau?

c) Có bao nhiêu tập con của tậpgồm hai phần tử?

**Bài toán 2** *(10 phút)***:** Một lớp học có 20 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Giáo viên chủ nhiệm chọn ngẫu nhiên ra một nhóm gồm 5 học sinh để vệ sinh lớp. Hỏi có bao nhiêu cách chọn để nhóm đó có ít nhất 3 nam.

***c) Sản phẩm:***

- Câu trả lời của các nhóm.

- Lời giải Bài toán 1:

a) Mỗi cách lập một số tự nhiên có 6 chữ số khác nhau từ tập *X* là một hoán vị của 6.

Có tất cả số có 6 chữ số khác nhau từ tập *X* .

b) Mỗi cách lập một số tự nhiên có 4 chữ số khác nhau từ tập *X* là một chỉnh hợp chập 4 của 6.

Có tất cả  số có 4 chữ số khác nhau từ tập *X* .

c) Mỗi tập con gồm 2 phần tử của tậplà một tổ hợp chập 2 của 5 phần tử.

Có tất cả  tập con hai phần tử của tập .

- Lời giải Bài toán 2:

TH1: 3 học sinh nam và 2 học sinh nữ. Có  (cách).

TH2: 4 học sinh nam và 1 học sinh nữ. Có  (cách).

TH3: 5 học sinh nam. Có  (cách).

Theo quy tắc cộng có  (cách).

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Chuyển giao*** | - Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm (có 1 nhóm trưởng và 1 thư ký).  - Nhóm 1, 3 và 5 làm Bài toán 1. Nhóm 2, 4 và 6 làm Bài toán 2.  - Giáo viên phát phiếu học tập cho mỗi nhóm. |
| ***Thực hiện*** | * Các nhóm thực hiện nhiệm vụ trên phiếu học tập. |
| ***Báo cáo*** | - Giáo viên chọn hai nhóm tương ứng mỗi bài toán báo cáo.  - Các nhóm còn lại theo dõi và chuẩn bị các đánh giá nhóm bạn. |
| ***Đánh giá, nhận xét, tổng hợp*** | - Cách nhóm nhận xét, góp ý, bổ sung hoàn thiện cho bài toán.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá các nhóm qua Bảng kiểm.  - Nếu có 1 tick vào cột có thì được 2+. (điểm cộng quy ra điểm số tùy vào năng lực của HS ở mỗi lớp mà thống nhất). |

## 4. Hoạt động 4. Vận dụng (5 phút)

***a) Mục tiêu:*** (1), (2), (3), (4),(5).

***b) Nội dung:***

**Tình huống trao đổi**

Sau bữa tiệc sinh nhật của 2 anh em Tuấn (16 tuổi) và Tú (10 tuổi).

Tuấn được tặng rất nhiều viên bi màu đẹp, còn Tú thì có nhiều viên kẹo sôcôla ngon. Tú muốn lấy kẹo đổi bi của anh Tuấn. Tuấn đồng ý trao đổi với điều kiện cả 2cùng chơi trò chơi **“trao đổi”** (**đổi kẹo lấy bi).**Tuấn lấy 5 phiếu trắng trên bàn học, lần lượt ghi trên phiếu các số 1, 2, 3, 4, 5 rồi xếp lại và bỏ vào một hộp không nắp và nói: “*Em hãy rút ra* ***một số phiếu*** *và chỉ rút 1 lần. Anh sẽ đưa Tú số viên bi bằng* ***số cách*** *rút ra* ***số******phiếu*** *từ hộp này, số kẹo mà anh nhận được từ Tú bằng* ***số cách*** *anh sắp xếp các phiếu mà Tú đã lấy ra thành 1 hàng”.*

Tuy Tú còn nhỏ nhưng rất nhanh ý và Tuấn không ngờ là Tú đổi được nhiều bi nhất và mất ít kẹo nhất có thể.

1. Em có biết Tú đã rút ra mấy phiếu để có thể được nhiều bi nhất và mất ít kẹo nhất không?

2. Lý giải câu trả lời của em?

***c) Sản phẩm:***

- Câu trả lời của các nhóm.

- Lời giải tham khảo:

Gọi  là số phiếu em Tú cần rút ra (, ).

Số cách rút  phiếu trong 5 thẻ là .

Số kẹo em Tú nhận được là .

Số cách xếp  phiếu thành hàng ngang:  cách cũng là số kẹo anh Tuấn nhận được.

Ta cần tìm  để  là lớn nhất.

Ta lập bảng kết quả:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số thẻ rút ra***  () | ***Số bi em Tú nhận***  () | ***Số kẹo anh Tuấn nhận*** () | ***Hiệu*** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Từ kết quả so sánh các hiệu ta sẽ chọn rút 2 phiếu thì sẽ được 10 bi và mất hai kẹo.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Chuyển giao*** | - Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho các nhóm và đưa ra tiêu chí điểm cộng.  - GV lưu ý HS:  + Nhóm nào không nộp đúng thời gian thì không có điểm cộng cho hoạt động 4.  + Điểm cộng sẽ được phân chia cho các thành viên theo sự đóng góp cá nhân trong nhóm (do nhóm trưởng và các thành viên thống nhất). |
| ***Thực hiện*** | - Các nhóm về nhà thực hiện nhiệm vụ.  - Nộp sản phẩm vào tiết học sau. |
| ***Báo cáo*** | - Giáo viên chọn một nhóm lên trình bày. |
| ***Đánh giá, nhận xét, tổng hợp*** | - Cách nhóm nhận xét, góp ý, bổ sung hoàn thiện cho bài toán.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá các nhóm qua Rubric. |

# IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

**A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

Khái niệm hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp và các công thức tính số hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp.

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

### **1. Phiếu học tập**

**Nhóm: …………………. Lớp**

|  |
| --- |
| **Bài toán 1:** Cho tập .  a) Từ tập  có thể lập được bao nhiêu số tự nhiên có 6 chữ số khác nhau?  b) Từ tập  có thể lập được bao nhiêu số tự nhiên có 4 chữ số khác nhau?  c) Có bao nhiêu tập con củagồm hai phần tử?  Bài làm  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………….. |

**Nhóm: …………………. Lớp:**

|  |
| --- |
| **Bài toán 2:** Một lớp học có 20 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Giáo viên chủ nhiệm chọn ngẫu nhiên ra một nhóm gồm 5 học sinh để vệ sinh lớp. Hỏi có bao nhiêu cách chọn để nhóm đó có ít nhất 3 nam.  Bài làm  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………….. |

### **2. Bảng kiểm hoạt động 3**

#### **2.1.Bài toán 1: (nhóm 1,3,5)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Phân chia nhiệm vụ, hợp tác hoàn thành nhiệm vụ. |  |  |
| Dùng quy tắc nhân hoặc công thức số các hoán vị tìm được số các số tự nhiên có 6 chữ số khác nhau. |  |  |
| Dùng quy tắc nhân hoặc công thức số các chỉnh hợp tìm được số các số tự nhiên có 4 chữ số khác nhau. |  |  |
| Liệt kê hoặc dùng công thức số các tổ hợp tìm được số tập con có hai phần tử từ tập . |  |  |
| Nộp đúng thời gian. |  |  |

#### **2.2. Bài toán 2: (nhóm 2,4,6)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Phân chia nhiệm vụ, hợp tác hoàn thành nhiệm vụ. |  |  |
| Phân chia được ba trường hợp:  3 nam và 2 nữ, 4 nam và 1 nữ, 5 nam. |  |  |
| Dùng quy tắc nhân tính số cách chọn được của mỗi trường hợp. |  |  |
| Dùng quy cộng tính tổng số cách chọn của ba trường hợp. |  |  |
| Nộp đúng thời gian. |  |  |

### **3. Rubric đánh giá hoạt động 4**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức 3 (14+) | Mức 2 (8+) | Mức 1 (3+) | Đánh giá NL |
| Chia các trường hợp rút từ 1 đến 5 phiếu | Đủ 5 các trường hợp (TH)  (4+) | Được 2, 3 TH  (2,3+) | Một trường hợp  (1+) | Tư duy và lập luận Toán học |
| Tìm được số cách rút phiếu trong mỗi trường hợp bằng cách đưa về bài toán tính số tổ hợp. | Tính đúng cả 5 TH  (2+) | Tính đúng kết quả tương ứng 2, 3 TH trên  (1+) | Tính cho TH duy nhất hoặc tính sai cho các TH  (1+) | Mô hình hóa Toán học |
| Tìm được số cách xếp phiếu đã rút ra trong mỗi trường hợp bằng cách đưa về bài toán tính số hoán vị | Tính đủ cả 5TH  (2+) | Tính được 2, 3 TH  (1+) | Tính cho TH duy nhất  (1+) |
| Lí giải sự lựa chọn trường hợp tối ưu (được nhiều bi và đổi ít kẹo nhất) | Rút: 2 phiếu  (2+) | Rút 3 phiếu  (1+) | Rút 1,4,5  (0) | Tư duy và lập luận Toán học |
| Lời khen, góp ý và chất vấn | 3 ý trở lên  (2+) | 1 đến 2 ý  (1+) | Không có  (0) | Giao tiếp và hợp tác |
| Phản biện | 2 ý  (2+) | 1 ý  (1+) | Không được  (0) |